

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán	2 – 5
3. Kết quả hoạt động kinh doanh	6
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7 – 8
5. Bản thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 34

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THĂNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TP. Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,391,018,431,610	1,361,583,483,382
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	178,701,203,282	110,287,269,371
1. Tiền	111		166,701,203,282	40,287,269,371
2. Các khoản tương đương tiền	112		12,000,000,000	70,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	32,000,000,000	321,500,000,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		32,000,000,000	321,500,000,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		681,762,893,036	605,353,515,934
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	642,053,144,458	353,548,106,732
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	45,332,622,758	234,489,400,527
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	1,061,272,011	21,081,294,812
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.3	(6,684,146,191)	(3,765,286,137)
IV. Hàng tồn kho	140		492,678,741,813	322,953,507,299
1. Hàng tồn kho	141	V.6	492,678,741,813	322,953,507,299
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5,875,593,479	1,489,190,778
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	885,223,677	1,142,866,270
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4,591,539,802	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.16	-	336,324,508
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		398,830,000	10,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THĂNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TP. Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		230,435,653,698	236,448,206,033
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		204,226,942,971	221,545,329,654
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	202,957,937,497	209,817,079,969
<i>Nguyên giá</i>	222		369,332,432,039	346,242,935,220
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(166,374,494,542)	(136,425,855,251)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	1,241,732,747	1,471,998,647
<i>Nguyên giá</i>	228		2,227,478,775	2,227,478,775
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(985,746,028)	(755,480,128)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	27,272,727	10,256,251,038
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		26,208,710,727	14,902,876,379
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	11,193,724,192	10,995,260,556
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.12	15,014,986,535	3,907,615,823
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,621,454,085,308	1,598,031,689,415

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TP. Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		622,230,790,620	686,477,187,376
I. Nợ ngắn hạn		310		620,228,900,237	684,675,545,359
1. Vay và nợ ngắn hạn		311	V.13	342,181,808,779	589,584,413,741
2. Phải trả người bán		312	V.14	176,690,995,887	32,328,834,503
3. Người mua trả tiền trước		313	V.15	10,771,778,136	2,720,071,939
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		314	V.16	13,694,712,906	2,027,709,876
5. Phải trả người lao động		315		-	-
6. Chi phí phải trả		316	V.17	66,991,058,823	49,389,617,477
7. Phải trả nội bộ		317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		319	V.18	292,004,735	710,883,042
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		323	V.19	9,606,540,971	7,914,014,781
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		327		-	-
II. Nợ dài hạn		330		2,001,890,383	1,801,642,017
1. Phải trả dài hạn người bán		331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ		332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác		333	V.20	2,001,890,383	1,801,642,017
4. Vay và nợ dài hạn		334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn		337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện		338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		999,223,294,688	911,554,502,039
I. Vốn chủ sở hữu		410		999,223,294,688	911,554,502,039
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		411	V.21	418,127,810,000	418,127,810,000
2. Thặng dư vốn cổ phần		412	V.21	203,825,180,000	203,825,180,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu		413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ		414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		417	V.21	52,115,592,139	39,486,171,506
8. Quỹ dự phòng tài chính		418	V.21	56,693,173,703	44,063,753,070
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		420	V.21	268,461,538,846	206,051,587,463
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		430		-	-
1. Nguồn kinh phí		432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		1,621,454,085,308	1,598,031,689,415

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TP. Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

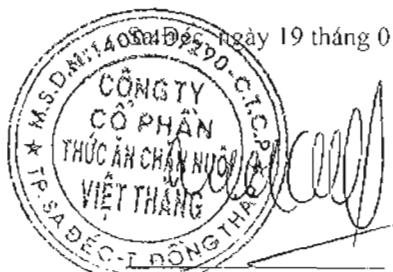
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số	
		cuối năm	đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		10,817.69	10,885.53
Euro (EUR)		66.00	112.17
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Nguyễn Ngọc Thắm
Người lập biểu

Huỳnh Văn Hoàng
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Hiền
Tổng Giám đốc

ngày 19 tháng 01 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TP. Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

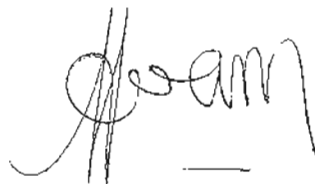
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 4 năm 2014

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Đơn vị tính VND	
			Năm nay	Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1,483,039,011,779	926,421,054,430	4,507,903,990,784	4,080,487,723,604
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	28,350,018,944	13,111,583,922	85,465,193,405	81,428,696,943
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1,454,688,992,835	913,309,470,508	4,422,438,797,379	3,999,059,026,661
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1,397,537,793,691	868,097,341,195	4,188,035,364,134	3,791,549,208,702
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		57,151,199,144	45,212,129,313	234,403,433,245	207,509,817,959
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1,367,903,777	2,328,030,241	13,438,442,427	3,554,005,432
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	7,242,199,984	7,865,563,771	34,446,516,934	38,095,408,337
Trong đó: chi phí lãi vay	23		6,851,361,725	7,713,566,739	33,702,809,021	36,681,109,944
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	8,197,843,693	4,778,039,260	21,349,931,256	17,588,520,406
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	8,584,344,263	5,224,582,122	22,887,504,898	20,838,264,852
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		34,494,714,981	29,671,974,401	169,157,922,584	134,541,629,796
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1,958,029,377	537,961,166	3,245,240,707	2,659,713,186
12. Chi phí khác	32	VI.8	726,903,337	203,500	743,750,687	1,037,582
13. Lợi nhuận khác	40		1,231,126,040	537,757,666	2,501,490,020	2,658,675,604
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		35,725,841,021	30,209,732,067	171,659,412,604	137,200,305,400
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.16	8,849,529,082	2,786,238,739	28,589,992,977	10,701,220,279
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(8,083,850,172)	(374,359,569)	(11,107,370,712)	204,878,785
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		34,960,162,111	27,797,852,897	154,176,790,339	126,294,206,336
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.21	836	665	3,687	3,405



Nguyễn Ngọc Thắm
Người lập biểu



Huỳnh Văn Hoàng
Kế toán trưởng

Ngày 19 tháng 01 năm 2015



Nguyễn Quang Hiền
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TP. Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHÍ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		171,659,412,604	137,200,305,400
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.8,9	33,589,174,622	33,045,331,765
- Các khoản dự phòng	03	V.3	2,918,860,054	1,470,905,917
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3	(86,851,215)	(674,914)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3,7,8	(13,496,941,913)	(2,931,061,110)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	33,702,809,021	36,681,109,944
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		228,286,463,173	205,465,917,002
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(85,232,446,894)	(186,624,362,917)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(169,725,234,514)	58,168,795,691
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		168,281,714,507	(89,510,250,691)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		59,178,957	(2,665,697,574)
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.17, VI.4	(34,298,287,088)	(35,328,441,869)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.16	(14,767,424,501)	(11,778,018,985)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(2,494,130,000)	(3,484,930,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		90,109,833,640	(65,756,989,343)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8,9	(16,983,941,981)	(12,285,208,857)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	1,370,909,091	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(32,000,000,000)	(321,500,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		321,500,000,000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.3	14,498,181,308	1,868,272,222
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		288,385,148,418	(331,916,936,635)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TP. Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	206,681,460,000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		2,145,135,774,006	2.277,425,445,281
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2,392,538,378,968)	(2,148,012,455,687)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(62,680,850,400)	(31,345,695,700)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(310,083,455,362)</i>	<i>304,748,753,894</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		68,411,526,696	(92,925,172,084)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	110,287,269,371	203,211,766,541
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	VI.3	2,407.215	674,914
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>178,701,203,282</u>	<u>110,287,269,371</u>

ngày 19 tháng 01 năm 2015

Nguyễn Ngọc Thắm
Người lập biểu

Huỳnh Văn Hoàng
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Hiền
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, dịch vụ, thương mại
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, gia công chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; Mua bán nguyên liệu chế biến thức ăn thủy sản, gia súc; Nuôi cá.

4. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty có 633 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 606 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THĂNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do việc thanh lý tài sản được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bán thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25
Máy móc và thiết bị	2 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 10

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ....

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 4 năm.

Bản quyền chương trình tổ hợp khẩu phần

Nguyên giá của bản quyền là toàn bộ chi phí bỏ ra để có bản quyền chương trình tổ hợp khẩu phần. Bản quyền chương trình tổ hợp khẩu phần được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán vào chi phí trong kỳ khi phát sinh.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Công ty TNHH MTV Khu công nghiệp HIDICO vào ngày 22 tháng 11 năm 2006 trong thời hạn 45 năm. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

10. Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

11. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

12. Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

• Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ này được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nguyên nhân khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.

• Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

• Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế (trước khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Công ty áp dụng hướng dẫn theo CMKTVN 10 liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ và đã áp dụng nhất quán trong các năm trước. Bên cạnh CMKTVN 10, bắt đầu từ ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty áp dụng thông tư 179 để đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô 11-1, 11-2, 11-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào tại thời điểm này của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2013 : 21.085 VND/USD
29.007 VND/EUR
31/12/2014 : 21.405 VND/USD
26.479 VND/EUR

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận khi hàng hoá đã được gia công xong và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

19. Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày các báo cáo tài chính và thuyết

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

minh thông tin đối với công cụ tài chính ở Việt Nam, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thì hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	289,258,480	203,846,298
Tiền gửi ngân hàng	166,411,944,802	40,083,423,073
Các khoản tương đương tiền	<u>12,000,000,000</u>	<u>70,000,000,000</u>
Cộng	<u>178,701,203,282</u>	<u>110,287,269,371</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Khoản này thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 12 tháng tại ngân hàng và hưởng lãi suất 6%/năm.

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các bên liên quan	231,852,633,945	114,192,107,091
Bên thứ ba	410,200,510,513	239,355,999,641
Cộng	<u>642,053,144,458</u>	<u>353,548,106,732</u>
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(6,684,146,191)	(3,765,286,137)
Giá trị thuần	<u>635,368,998,267</u>	<u>349,782,820,595</u>

Như được trình bày trong thuyết minh số V.13, Công ty đã thế chấp khoản phải thu để đảm bảo khoản vay ngân hàng.

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bên thứ ba	45,332,622,758	234,489,400,527
Cộng	<u>45,332,622,758</u>	<u>234,489,400,527</u>

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bên liên quan	316,031,520	19,335,024,193
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	32,500,000	1,691,494,444
Phải thu khác	712,740,491	54,776,175
Cộng	<u>1,061,272,011</u>	<u>21,081,294,812</u>

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường	175,169,204,653	17,490,319,962
Nguyên liệu, vật liệu	247,838,910,338	265,934,109,078
Thành phẩm	69,670,626,822	39,529,078,259
Cộng	<u>492,678,741,813</u>	<u>322,953,507,299</u>

Như được trình bày trong Thuyết minh số V.13, Công ty đã thế chấp hàng tồn kho để đảm bảo khoản vay ngân hàng.

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bảo hiểm	308,112,236	295,279,589

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phí sử dụng hạ tầng, tiền thuê đất	281,902,750	280,201,702
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	295,208,691	567,384,979
Cộng	885,223,677	1,142,866,270

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	79,059,314,357	238,527,830,516	25,499,936,891	3,155,853,456	346,242,935,220
Mua sắm mới	-	2,713,464,291	10,522,738,181	211,700,000	13,447,902,472
Xây dựng cơ bản hoàn thành	13,765,017,820	-	-	-	13,765,017,820
Thanh lý	-	(2,140,018,031)	(1,983,405,442)	-	(4,123,423,473)
Số cuối năm	92,824,332,177	239,101,276,776	34,039,269,630	3,367,553,456	369,332,432,039
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1,766,959,479	16,029,016,475	627,721,600	655,468,693	19,079,166,247
Giá trị khấu hao lũy kế					
Số đầu năm	26,883,162,415	95,148,300,362	12,308,838,882	2,085,553,592	136,425,855,251
Khấu hao trong năm	5,687,741,217	24,487,887,716	2,866,009,397	317,270,392	33,358,908,722
Thanh lý	-	(1,552,042,812)	(1,858,226,619)	-	(3,410,269,431)
Số cuối năm	32,570,903,632	118,084,145,266	13,316,621,660	2,402,823,984	166,374,494,542
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	52,176,151,942	143,379,530,154	13,191,098,009	1,070,299,864	209,817,079,969
Số cuối năm	60,253,428,545	121,017,131,510	20,722,647,970	964,729,472	202,957,937,497

Như đã trình bày trong thuyết minh số V.13, Công ty đã thế chấp máy móc và thiết bị để đảm bảo các khoản vay ngân hàng.

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Bản quyền</u>	<u>Phần mềm quản lý tổng thể</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá				
Số đầu năm	954,750,000	926,532,000	346,196,775	2,227,478,775
Số cuối năm	954,750,000	926,532,000	346,196,775	2,227,478,775
Giá trị khấu trừ lũy kế				
Số đầu năm	-	489,756,736	265,723,392	755,480,128
Khấu trừ trong năm	-	190,029,204	40,236,696	230,265,900
Số cuối năm	-	679,785,940	305,960,088	985,746,028

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)



	Quyền sử dụng đất	Bản quyền	Phần mềm quản lý tổng thể	Cộng
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	954,750,000	436,775,264	80,473,383	1,471,998,647
Số cuối năm	<u>954,750,000</u>	<u>246,746,060</u>	<u>40,236,687</u>	<u>1,241,732,747</u>

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công trình nhà kho nguyên liệu Lai Vung	-	10,256,251,038
Công trình bờ kè, cầu bến Sa Đéc	27,272,727	-
Cộng	<u>27,272,727</u>	<u>10,256,251,038</u>

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quyền sử dụng đất (*)	6,729,110,781	6,899,468,013
Công cụ, dụng cụ	4,464,613,411	4,095,792,543
Cộng	<u>11,193,724,192</u>	<u>10,995,260,556</u>

(*) Như được trình bày trong thuyết minh số V.13, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo khoản vay ngân hàng.

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3,907,615,823	4,112,494,608
Số phát sinh	11,107,370,712	(204,878,785)
Số cuối năm	<u>15,014,986,535</u>	<u>3,907,615,823</u>

13. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	342,181,808,779	589,584,413,741
Cộng	<u>342,181,808,779</u>	<u>589,584,413,741</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối năm VNĐ</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất %/năm</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
<i>Vay ngắn hạn</i>				
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Long An	304,254,963,798	Từ 2 - 6 tháng kể từ ngày giải ngân	4,80 - 5,50	Nhà máy sản xuất thức ăn và quyền sử dụng đất tại các Lô II-1, II-2, II-3, Khu Công nghiệp Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp
Ngân hàng TNHH CTBC – Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh	2,017,905,750	3 tháng kể từ ngày giải ngân	5,00	Thế chấp khoản phải thu
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh Đồng Tháp, phòng giao dịch Sa Đéc	21,090,377,057	6 tháng kể từ ngày giải ngân	6,00	Khoản phải thu bình quân trị giá tối thiểu 100.000.000 đồng
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam)	14,818,562,174	3 tháng kể từ ngày giải ngân	5,50	Quyền ưu tiên thứ nhất các khoản phải thu và hàng tồn kho với giá trị còn lại tối thiểu tương đương với số tiền gốc chưa được thanh toán
TỔNG CỘNG	342,181,808,779			

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các bên liên quan	7,104,152,622	624,993,652
Bên thứ ba	169,586,843,265	31,703,840,851
Cộng	<u>176,690,995,887</u>	<u>32,328,834,503</u>

15. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bên thứ ba	10,771,778,136	2,720,071,939
Cộng	<u>10,771,778,136</u>	<u>2,720,071,939</u>

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng nội địa	1,880,525,762	28,973,616,474	30,854,142,236	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	12,214,608,044	12,214,608,044	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1,913,087,965	1,913,087,965	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(336,324,508)	28,589,992,977	14,767,424,501	13,486,243,968
Thuế thu nhập cá nhân	144,952,114	2,373,331,512	2,313,534,688	204,748,938
Các loại thuế khác	2,232,000	45,688,000	44,200,000	3,720,000
Cộng	<u>1,691,385,368</u>	<u>74,110,324,972</u>	<u>62,106,997,434</u>	<u>13,694,712,906</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Sản phẩm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản	5%
Thanh lý tài sản, bao bì phế liệu...	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp cấp các Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư về miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp như sau: Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 08/UB-UĐĐT ngày 21 tháng 3 năm 2003, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 12/UB-UĐĐT ngày 16 tháng 9 năm 2004 và Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 09/UĐĐT/UBND ngày 11 tháng 7 năm 2005.

Theo các giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản với thuế suất thuế 15% trong 12 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 3 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THĂNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bán thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

và giảm 50% số thuế phải nộp trong 7 năm tiếp theo. Năm 2004 là năm đầu tiên Công ty có thu nhập từ dự án đầu tư.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	171,659,412,604	137,200,305,400
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	17,613,403,121	(723,365,771)
Thu nhập tính thuế	189,272,815,725	136,476,939,629
- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chính	186,428,949,741	133,817,226,443
- Thu nhập khác	2,843,865,984	2,659,713,186
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	41,640,019,460	34,119,234,907
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(13,050,026,483)	(13,381,722,644)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	-	(10,036,291,983)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>28,589,992,977</u>	<u>10,701,220,279</u>

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

17. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí hoa hồng, khuyến mãi, hỗ trợ	745,056,248	557,673,814
Chiết khấu thương mại	58,818,845,973	45,976,942,329
Chi phí lãi vay phải trả	1,115,743,592	1,711,221,659
Chi phí phải trả khác	6,311,413,010	1,143,779,675
Cộng	<u>66,991,058,823</u>	<u>49,389,617,477</u>

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội	1,774,500	493,171,200
Cổ tức phải trả	56,999,050	43,941,300
Phải trả khác	233,231,185	173,770,542
Cộng	<u>292,004,735</u>	<u>710,883,042</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THĂNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quỹ khen thưởng	4,450,404,678	3,629,391,583
Quỹ phúc lợi	5,156,136,293	4,284,623,198
Cộng	<u>9,606,540,971</u>	<u>7,914,014,781</u>

20. Nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trợ cấp thôi việc	2,001,890,383	1,801,642,017
Cộng	<u>2,001,890,383</u>	<u>1,801,642,017</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu

21.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Thặng dư vốn	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ dự phòng đầu tư tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<i>Năm trước</i>						
Số đầu năm	210,255,090,000	100,870,000,000	24,874,229,495	29,451,811,059	250,849,924,757	616,301,055,311
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	104,531,440,000	(132,000,000)	-	-	(104,531,440,000)	(132,000,000)
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	103,341,280,000	103,087,180,000	-	-	-	206,428,460,000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	126,294,206,336	126,294,206,336
Phân phối lợi nhuận	-	-	14,611,942,011	14,611,942,011	(29,223,884,022)	-
Chuyển vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(4,383,582,608)	(4,383,582,608)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(31,359,637,000)	(31,359,637,000)
Thù lao và tiền thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị	-	-	-	-	(1,594,000,000)	(1,594,000,000)
Số cuối năm	418,127,810,000	203,825,180,000	39,486,171,506	44,063,753,070	206,051,587,463	911,554,502,039
<i>Năm nay</i>						
Số đầu năm	418,127,810,000	203,825,180,000	39,486,171,506	44,063,753,070	206,051,587,463	911,554,502,039
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	154,176,790,339	154,176,790,339
Phân phối lợi nhuận	-	-	12,629,420,633	12,629,420,633	(25,258,841,266)	-
Chuyển vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(3,788,826,190)	(3,788,826,190)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(62,719,171,500)	(62,719,171,500)
Số cuối năm	418,127,810,000	203,825,180,000	52,115,592,139	56,693,173,703	268,461,538,846	999,223,294,688

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bán thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn cổ phần VNĐ	Tỷ lệ sở hữu %	Vốn cổ phần VNĐ	Tỷ lệ sở hữu %
Công ty Cổ phần Hùng Vương	337,600,000,000	80.74	232,600,000,000	55.63
Các cổ đông khác	80,527,810,000	19.26	185,527,810,000	44.37
Tổng cộng	418,127,810,000	100,00	418,127,810,000	100,00

21.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã phát hành		
Số đầu năm	418,127,810,000	210,255,090,000
Cổ tức bằng cổ phiếu	-	104,531,440,000
Phát hành mới	-	103,341,280,000
Số cuối năm	418,127,810,000	418,127,810,000
Cổ tức công bố	62,719,171,500	135,891,077,000
Cổ tức bằng cổ phiếu	-	104,531,440,000
Cổ tức bằng tiền	62,680,850,400	31,315,695,700
Cổ tức chưa chi trả	38,321,100	43,941,300

21.4 Cổ phiếu

	Năm nay		Năm trước	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VNĐ	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VNĐ
Cổ phiếu được phép phát hành	41,812,781	418,127,810,000	41,812,781	418,127,810,000
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	41,812,781	418,127,810,000	41,812,781	418,127,810,000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>41,812,781</i>	<i>418,127,810,000</i>	<i>41,812,781</i>	<i>418,127,810,000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	41,812,781	418,127,810,000	41,812,781	418,127,810,000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>41,812,781</i>	<i>418,127,810,000</i>	<i>41,812,781</i>	<i>418,127,810,000</i>

21.5 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chia cho số lượng bình quân của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dưới đây phản ánh các dữ liệu lợi nhuận và cổ phiếu được sử dụng trong việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	154,176,790,339	126,294,206,336
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	<u>154,176,790,339</u>	<u>126,294,206,336</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	<u>41,812,781</u>	<u>37,094,025</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>3,687</u>	<u>3,405</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu bán thành phẩm	4,507,903,990,784	4,080,487,723,604
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thành phẩm - Thức ăn cá</i>	4,335,756,557,495	3,904,477,585,326
<i>Doanh thu thành phẩm - Thức ăn gia súc</i>	172,147,433,289	176,010,138,278
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(85,465,193,405)	(81,428,696,943)
<i>Chiết khấu thương mại</i>	(85,465,193,405)	(72,926,425,183)
<i>Giảm giá hàng bán</i>	-	(8,502,271,760)
Doanh thu thuần bán thành phẩm	<u>4,422,438,797,379</u>	<u>3,999,059,026,661</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thành phẩm - Thức ăn cá</i>	4,254,083,224,222	3,826,835,064,125
<i>Doanh thu thành phẩm - Thức ăn gia súc</i>	168,355,573,157	172,223,962,536

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thức ăn cho cá	4,026,714,352,561	3,623,483,041,315
Thức ăn gia súc	<u>161,321,011,573</u>	<u>168,066,167,387</u>
Cộng	<u>4,188,035,364,134</u>	<u>3,791,549,208,702</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THĂNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bán thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	4,014,190,128,416	3,590,245,381,364
Chi nhân công trực tiếp	27,646,267,976	25,010,393,612
Chi phí sản xuất chung	176,340,516,305	165,368,838,277
Tổng chi phí sản xuất	<u>4,218,176,912,697</u>	<u>3,780,624,613,253</u>
Tổng giá thành sản xuất	4,218,176,912,697	3,780,624,613,253
Chênh lệch tồn kho thành phẩm	(30,141,548,563)	10,924,595,449
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	<u>4,188,035,364,134</u>	<u>3,791,549,208,702</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	12,839,186,864	2,931,061,110
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	298,679,214	601,386,797
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	92,797,392	20,882,611
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	86,851,215	674,914
Doanh thu hoạt động tài chính khác	120,927,742	-
Cộng	<u>13,438,442,427</u>	<u>3,554,005,432</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	33,702,809,021	36,681,109,944
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	743,707,913	1,414,298,393
Cộng	<u>34,446,516,934</u>	<u>38,095,408,337</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	8,372,559,021	6,446,036,280
Chi phí bao bì	433,456,044	6,308,000
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	35,765,000	60,595,303
Chi phí khấu hao tài sản cố định	421,064,941	507,430,876
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7,450,943,314	6,331,211,397
Chi phí hoa hồng, môi giới bán hàng	1,158,114,439	1,060,840,618
Chi phí khác	3,478,028,497	3,176,097,932
Cộng	<u>21,349,931,256</u>	<u>17,588,520,406</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	9,982,976,088	9,017,944,694
Chi phí nguyên liệu, vật liệu quản lý	217,387,124	154,116,036

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí đồ dùng văn phòng	285,702,185	245,131,497
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,417,859,949	1,488,613,721
Thuế, phí và lệ phí	15,032,000	397,122,136
Chi phí dự phòng	2,918,860,054	1,470,905,917
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4,754,781,721	3,827,121,614
Chi phí khác	3,294,905,777	4,237,309,237
Cộng	22,887,504,898	20,838,264,852
7. Thu nhập khác		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu từ thanh lý tài sản cố định	1,370,909,091	-
Thu bán phế liệu	1,779,584,552	2,587,803,780
Thu nhập khác	94,747,064	71,909,406
Cộng	3,245,240,707	2,659,713,186
8. Chi phí khác		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	713,154,042	-
Chi phí khác	30,596,645	1,037,582
Cộng	743,750,687	1,037,582
9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4,120,083,189,676	3,689,609,395,343
Chi phí nhân công	64,936,376,348	56,745,597,632
Chi phí khấu hao tài sản cố định	33,576,964,622	33,045,331,765
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31,315,117,778	27,930,608,013
Chi phí khác	12,502,700,427	11,720,465,758
Cộng	4,262,414,348,851	3,819,051,398,511

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Chi tiết tiền lương Ban Giám đốc, thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lương và các chi phí liên quan	4,857,285,377	2,822,801,532

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan khác trong năm bao gồm:

			<i>VNĐ</i>
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số tiền</i>
Công ty Cổ phần Hùng Vương	Công ty mẹ	Bán thức ăn cá Cổ tức đã trả	9,428,812,692 38,640,000,000
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy sản An Giang	Công ty trong cùng Tập đoàn	Bán thức ăn cá	528,696,177,265
DNTN Việt Tiến	Bên liên quan	Bán thức ăn cá Mua nguyên vật liệu	366,472,161 167,477,902,658
Công ty TNHH Cao Trí	Bên liên quan	Bán thức ăn cá Mua nguyên vật liệu	65,005,900,416 110,247,061,950
Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản An Lạc	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	5,305,185,231
Công ty cổ phần Hóa Chất Phúc Lâm	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	6,054,555,900
Công ty Cổ phần thức ăn thủy sản Hùng Vương Tây Nam	Bên liên quan	Mượn nguyên liệu Cho mượn nguyên liệu Thuê gia công Chi phí xếp dỡ nguyên liệu Thuê kho	51,655,435,093 316,031,520 4,896,252,000 68,542,394 394,590,000

Vào ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan được thể hiện như sau:

			<i>VNĐ</i>
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Phải thu (Phải trả)</i>
<i>Phải thu khách hàng</i>			
Công ty Cổ phần Hùng Vương	Công ty mẹ	Bán thức ăn cá	9,900,253,327
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy sản An Giang	Công ty trong cùng Tập đoàn	Bán thức ăn cá	217,240,563,876

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty TNHH Cao Trí	Bên liên quan	Bán thức ăn cá	4,711,816,742
TỔNG CỘNG			<u>232,168,665,465</u>

Phải trả người bán

Công ty Cổ phần thức ăn thủy sản Hùng Vương Tây Nam	Bên liên quan	Thuê gia công	2,794,856,400
Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản An Lạc	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	225,225,000
DNTN Việt Tiến	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	4,084,071,222
TỔNG CỘNG			<u>7,104,152,622</u>

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay, nợ và tiền gửi.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và 31 tháng 12 năm 2013.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công ty có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua và bán hàng hóa bằng các đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty như được trình bày trong Thuyết minh số II.2. Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng hóa trong tương lai bằng ngoại tệ, ngoại trừ việc tăng tỷ lệ phòng ngừa rủi ro. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi tỷ giá hối đoái của các loại ngoại tệ của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hoá nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số V.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt, các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

VNĐ

Dưới 1 năm

31 tháng 12 năm 2014

Các khoản vay	342,181,808,779
Phải trả người bán	176,690,995,887
Chi phí phải trả	66,991,058,823
	<u>585,863,863,489</u>

31 tháng 12 năm 2013

Các khoản vay	589,584,413,741
Phải trả người bán	32,328,834,503
Chi phí phải trả	49,389,617,477
	<u>671,302,865,721</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng một phần khoản phải thu, hàng tồn kho, máy móc thiết bị, nhà xưởng, phương tiện truyền dẫn và thiết bị văn phòng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (Thuyết minh số V.13).

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong các báo cáo tài chính của Công ty.

	<i>Giá trị ghi sổ</i>				<i>Giá trị hợp lý</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>		
Tài sản tài chính						
Đầu tư ngắn hạn	32,000,000,000	-	321,500,000,000	-	32,000,000,000	321,500,000,000
Phải thu khách hàng	410,200,510,513	(6,684,146,191)	239,355,999,641	(3,765,286,137)	403,516,364,322	235,590,713,504
Phải thu các bên liên quan	231,852,633,945	-	114,192,107,091	-	231,852,633,945	114,192,107,091
Phải thu khác	1,061,272,011	-	1,746,270,625	-	1,061,272,011	1,746,270,625
Tiền và tương đương tiền	178,701,203,282	-	110,287,269,371	-	178,701,203,282	110,287,269,371
TỔNG CỘNG	853,815,619,751	(6,684,146,191)	787,081,646,728	(3,765,286,137)	847,131,473,560	783,316,360,591
Nợ phải trả tài chính						
Vay và nợ	342,181,808,779	-	589,584,413,741	-	342,181,808,779	589,584,413,741
Phải trả người bán	169,586,843,265	-	31,703,840,851	-	169,586,843,265	31,703,840,851
Phải trả các bên liên quan	7,104,152,622	-	624,993,652	-	7,104,152,622	624,993,652
Phải trả khác	66,991,058,823	-	49,389,617,477	-	66,991,058,823	49,389,617,477
TỔNG CỘNG	585,863,863,489	-	671,302,865,721	-	585,863,863,489	671,302,865,721

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bán thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được Công ty đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, các rủi ro cụ thể trong quốc gia, khả năng trả nợ vay của từng khách hàng và tính chất rủi ro của dự án được tài trợ. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.

4. Thuê hoạt động

Cam kết hoạt động

Công ty thuê đất đối với các diện tích đang sử dụng dưới hình thức thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	6,719,146,070	762,325,038
Trên 1 năm đến 5 năm	4,233,395,280	4,170,106,960
Trên 5 năm	33,548,645,138	33,793,320,363
Cộng	<u>44,501,186,488</u>	<u>38,725,752,361</u>

Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có khoản cam kết trị giá 57,472,785,272 VND, 2,977,500 USD và 360,000 Euros (ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 2,014,604,330 VND) liên quan đến việc xây dựng cơ sở hạ tầng và mua sắm máy móc thiết bị mới phục vụ hoạt động sản xuất của Công ty.

5. Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính hiện nay của Công ty là sản xuất, gia công chế biến thức ăn thủy sản, gia súc và gia cầm; bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho thủy sản. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám Đốc nhận

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô 11-1, 11-2, 11-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận sẽ không trình bày.

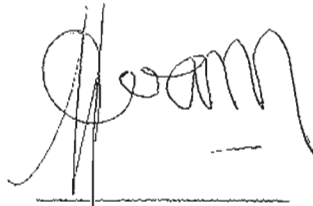
6. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong các báo cáo tài chính.

Sa Đéc, ngày 19 tháng 01 năm 2015



Nguyễn Ngọc Thắm
Người lập biểu



Huỳnh Văn Hoàng
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Hiền
Tổng Giám đốc

CTY CP THỨC ĂN CHĂN NUÔI
VIỆT THẮNG
Số: 10/15/HC-VT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 01 năm 2015

“V/v: Giải trình biến động kết quả kinh doanh
quý 4/2014 so với cùng kỳ năm 2013”

Kính gửi : - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HCM

Tên công ty: Công ty Cổ phần Thức ăn chăn nuôi Việt Thắng

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3, Khu C mở rộng, Khu Công nghiệp Sa Đéc, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

Điện thoại: 067 3764159

Fax: 067 3763488

Mã chứng khoán: VTF

Công ty Cổ phần Thức ăn chăn nuôi Việt Thắng xin được giải trình sự biến động một số chỉ kinh doanh quý 4 năm 2014 so cùng kỳ năm 2013 như sau:

Đvt: đồng

STT	Chỉ tiêu	Quý 4/2014	Quý 4/2013	Tăng, giảm() quý 4/2014 so quý 4/2013	Tỷ lệ tăng (+), giảm (-)
1	Doanh thu thuần	1.454.688.992.835	913.309.470.508	541.379.522.327	59,28%
2	Giá vốn hàng bán	1.397.537.793.691	868.097.341.195	529.440.452.496	60,99%
3	Lợi nhuận gộp	57.151.199.144	45.212.129.313	11.939.069.831	26,41%
4	Doanh thu tài chính	1.367.903.777	2.328.030.241	(960.126.464)	-41,24%
5	Chi phí bán hàng	8.197.843.693	4.778.039.260	3.419.804.433	71,57%
6	Chi phí QLDN	8.584.344.263	5.224.582.122	3.359.762.141	64,31%
7	Lợi nhuận khác	1.231.126.040	537.757.666	693.368.374	128,94%
8	Lợi nhuận trước thuế	35.725.841.021	30.209.732.067	5.516.108.954	18,26%

Lợi nhuận trước thuế quý 4/2014 tăng 18,26% so cùng kỳ năm 2013 (tương ứng tăng 5.516.108.954 đồng), do các nguyên nhân chính sau:

Doanh thu thuần quý 4/2014 tăng so với cùng kỳ năm 2013 là 59,28%, trong khi giá vốn hàng bán tăng 60,99%, làm lợi nhuận gộp quý 4/2014 chỉ tăng so cùng kỳ năm 2013 là 26,41% (tương ứng tăng 11.939.069.831 đồng). Nguyên nhân do sản lượng tiêu thụ tăng, đồng thời giá nguyên liệu tăng so cùng kỳ năm 2013.



Doanh thu tài chính quý 4/2014 giảm 41,24% so cùng kỳ năm 2013 (tương ứng giảm 960.126.464 đồng), do trong quý 4/2014 lượng tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn giảm mạnh so cùng kỳ năm 2013, đồng thời lãi suất tiền gửi cũng giảm.

Chi phí bán hàng quý 4/2014 tăng 71,57% so cùng kỳ năm 2013 (tương ứng tăng 3.419.804.444 đồng), do sản lượng bán và chi phí nhân viên tăng.

Chi phí quản lý doanh nghiệp quý 4/2014 tăng 64,31% so cùng kỳ năm 2013 (tương ứng tăng 3.359.762.141 đồng), do chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi và chi phí nhân viên tăng.

Lợi nhuận khác quý 4/2014 tăng 128,94% so cùng kỳ năm 2013 (tương ứng tăng 693.368.374 đồng), do trong quý 4/2014 có phát sinh lãi do thanh lý một số TSCĐ.

Trên là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến kết quả kinh doanh quý 4/2014 tăng so với cùng kỳ năm 2013, Công ty xin giải trình Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP HCM và các nhà đầu tư được rõ.

Trân trọng !

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN QUANG HIỀN

